



CC1 - BCC

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
BIENHOA CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

ANNUAL REPORT 2018



NĂM BÁO CÁO 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa.
- Tên tiếng Anh : Bien Hoa Concrete Joint Stock Company
- Tên viết tắt : BCC.
- Giấy chứng nhận ĐKKD : Mã số: 3600448180 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07.5.2001, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20.9.2018.
- Vốn điều lệ : **45.000.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng nai.
- Số điện thoại : 0251 3836195.
- Số fax : 0251 3836323.
- Mã cổ phiếu : BHC (UPCoM).



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- **Bê tông trộn sẵn**
- **Cầu kiện bê tông đúc sẵn**
- **Gia công các cầu kiện kim loại**
- **Xây dựng công nghiệp và dân dụng**
- **Phụ gia dùng cho bê tông**
- **Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu và máy móc thiết bị ngành xây dựng**
- **Mua bán tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến**
- **Kinh doanh dịch vụ vận tải.**

1. Lịch sử hình thành.

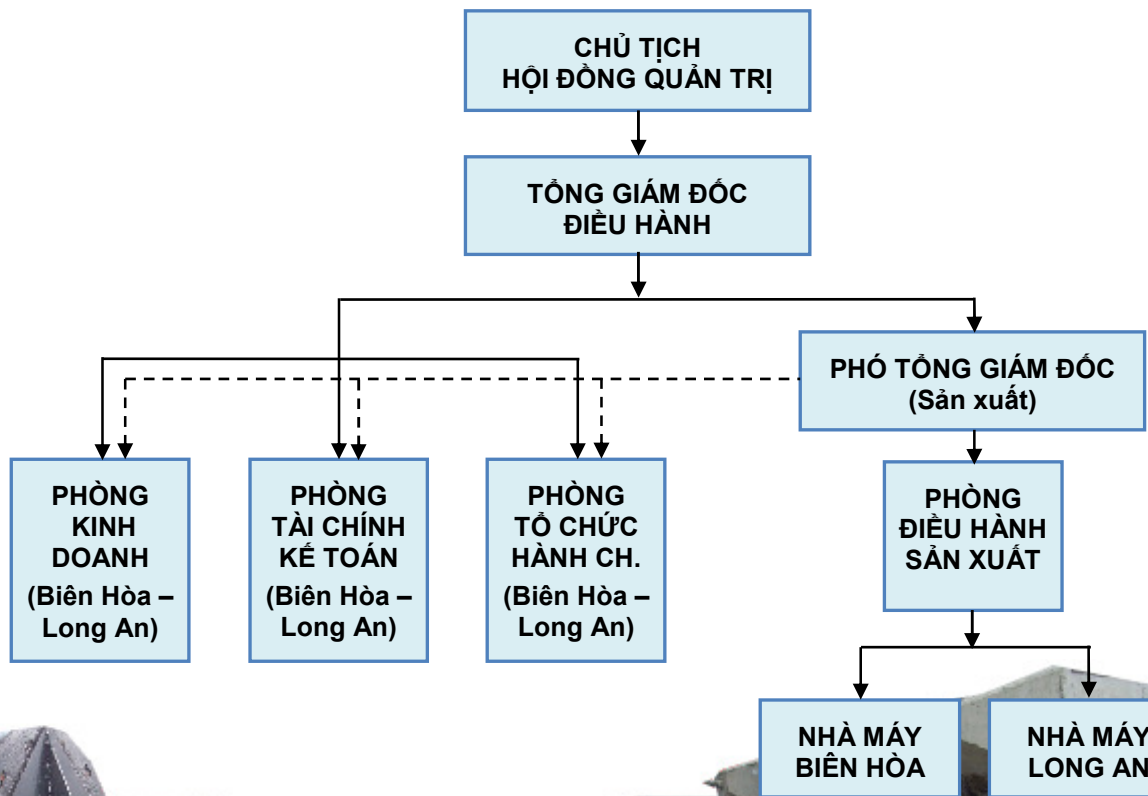
Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa là đơn vị chuyên sản xuất các loại sản phẩm bê tông công nghiệp có chất lượng cao. Với hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành bê tông, công ty đã tham gia và cung cấp sản phẩm cho nhiều công trình cấp quốc gia như nhà máy thủy điện Trị An, thủy điện thác Mơ và các dự án lớn như KTX Đại học quốc gia TP HCM, Nhiệt điện Phú Mỹ 2, bệnh viện Đa khoa Cần Thơ, cầu Đông Nai, cầu Rạch Chiếc, cầu vượt AMATA, cầu An Hảo...

2. Quá trình phát triển.

Công ty tiếp tục thực hiện ngành nghề kinh doanh truyền thống với sản phẩm chính là sản xuất các loại sản phẩm bê tông công nghiệp, với sản phẩm chủ lực là cọc ống bê tông ly tâm ứng suất trước, cột điện bê tông ly tâm các loại, cọc vuông bê tông cốt thép và bê tông trộn sẵn. Đồng thời, mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh khác như thi công hạ tầng, kinh doanh vật liệu xây dựng để nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu cung cấp sản phẩm đến chân công trình theo yêu cầu của khách hàng.

Hiện nay, công ty đang tiếp tục đầu tư để đảm bảo năng lực sản xuất, nâng cao sản lượng, doanh thu nhằm giảm bớt những gánh nặng tài chính của các năm trước. Đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh khác để đủ sức cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường đến vành đai khu vực thành phố Hồ Chí Minh và phía Tây Nam Bộ, nơi đang có nhu cầu rất lớn về phát triển hạ tầng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH Năm 2018



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018.

Năm 2018 Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa đã thực hiện được các chỉ tiêu theo kế hoạch SXKD do Đại hội cổ đông đề ra:

- Giá trị sản lượng : 169,08 tỷ đồng đạt 97,73% kế hoạch năm
- Doanh thu thực hiện : 146,15 tỷ đồng đạt 90% kế hoạch năm
- Lợi nhuận (lỗ) : - 13,62 tỷ đồng.

Trong đó:

Từ quý 1/2018 đến quý 2/2018

Công ty còn hoạt động SXKD theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con; thực hiện báo cáo tài chính riêng. Giá trị thực hiện như sau:

- Giá trị sản lượng : 76,10 tỷ đồng đạt 44% kế hoạch năm
- Doanh thu thực hiện : 62,21 tỷ đồng đạt 38,30% kế hoạch năm
- Lợi nhuận (lỗ) : - 6,61 tỷ đồng.

Trong đó:

- + Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa (Công ty mẹ) : lỗ 2,89 tỷ đồng
- + Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (Công ty con) : lỗ 3,72 tỷ đồng

Từ quý 3/2018 đến quý 4/2018

Công ty đã thực hiện tổ chức SXKD, quản lý trực tiếp và hợp nhất trên cơ sở chuyển đổi mô hình thành 02 Nhà máy bê tông Biên Hòa và Nhà máy bê tông Long an. Và đã đạt kết quả như sau:

- Giá trị sản lượng : 92,98 tỷ đồng tăng 22% so với quý 1+2/2018
- Doanh thu thực hiện : 83,94 tỷ đồng tăng 33,6% so với quý 1+2/2018
- Lợi nhuận (lỗ) : -7,01 tỷ đồng.

Trong đó:

- + Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 2,47 tỷ đồng
- + Trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi: 3,28 tỷ đồng

Tổng cộng: **5,75 tỷ đồng**

- + Lợi nhuận trong SXKD quý 3+4/2019: -1,26 tỷ đồng

(giảm 80,93% so với Quý 1+2/2019)

▪ Lợi nhuận trước thuế	:	- 13.627.374.007
▪ Lợi nhuận sau thuế	:	- 13.627.374.007
▪ Giá trị khấu hao TSCĐ	:	2.693.330.238
▪ Tổng quỹ lương	:	17.364.690.988
▪ Giá trị thu hồi vốn	:	167.033.245.624
▪ Nợ phải thu	:	53.831.595.956
▪ Nộp ngân sách	:	5.347.432.853

2. Thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2018.

a) Cơ cấu tài sản

+ Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	:	51,35%
+ Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	:	48,65%

b) Cơ cấu nguồn vốn

+ Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	:	163,24%
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	:	-63,24%

c) Khả năng thanh toán

+ Khả năng thanh toán nhanh	:	0,21 lần
+ Khả năng thanh toán hiện hành	:	0,40 lần

d) Tỷ suất lợi nhuận

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	:	-10,77%
+ Tỷ suất LN sau thuế/ doanh thu thuần	:	-9,32%

e) Tổng số CP của công ty đang lưu hành

+ Cổ phiếu thông thường	:	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	:	0
+ Cổ phiếu quỹ	:	0

III. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

2. Báo cáo tài chính (Phụ lục kèm theo)

- Ý kiến của kiểm toán độc lập và các nhận xét.
- Bản báo cáo tài chính tóm tắt hợp nhất đã được kiểm toán.

IV. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN (CÔNG TY CON)

Công ty TNHH 01 thành viên An Hòa – BCC thành lập tháng 12/2007, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần đầu) tháng 1/ 2008, vốn điều lệ 25 tỷ đồng do Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa đầu tư 100% vốn.

Công ty bắt đầu đi vào sản xuất từ tháng 05 năm 2009 cho sản phẩm bê tông trộn sẵn. Từ cuối năm 2009 và đầu năm 2010 sản xuất các loại sản phẩm bê tông ly tâm, bê tông đúc sẵn. Đến tháng 7/2018, công ty hợp nhất công tác tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh về công ty mẹ.

V. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa (công ty mẹ).

- Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc
- Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Các phòng ban chức năng (4 phòng).
- Các xưởng sản xuất (3 xưởng)

2. Công ty TNHH MTV An Hòa - BCC (công ty con). (Từ tháng 7/2018, hợp nhất về công ty mẹ).

- Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên
- Tổng Giám đốc
- Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Các phòng chức năng, bộ phận nghiệp vụ (2 phòng).
- Các xưởng sản xuất (2 xưởng)

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019.

▪ Công tác trọng tâm

Với yêu cầu bằng mọi biện pháp phải cắt lỗ để từng bước khắc phục những hậu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của những năm qua:

↳ Thay đổi mô hình quản lý:

Sát nhập công ty con (Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC) về công ty mẹ (Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa) theo chủ trương của Hội đồng quản trị công ty. Sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý và bỏ cơ chế điều hành phòng ban; chuyển đổi lực lượng lao động qua đơn vị khác nhằm đảm bảo thu nhập, việc làm; giải quyết cho cán bộ lao động nghỉ việc theo diện dôi dư.

↳ Cho thuê nhà máy:

Năm 2019, dự kiến 02 Nhà máy Long An và Nhà máy Đồng Nai sẽ được Công ty cho thuê lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhằm mục tiêu cắt lỗ, bảo toàn vốn.

↳ Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019:

Kế hoạch doanh thu năm 2019 đưa ra là giá trị tiền cho thuê Nhà máy, thiết bị với mục tiêu cắt lỗ trong SXKD, bảo đảm tiền vốn của cổ đông và đảm bảo được nguồn tiền để trả các khoản nợ cấp bách (thuế, nợ ngân hàng, bảo hiểm, tiền thuê đất còn tồn đọng).

Kế hoạch cụ thể năm 2019 như sau:

+ Doanh thu thực hiện năm 2019	:	12 tỷ đồng
+ Lợi nhuận thực hiện	:	0,5 tỷ đồng

VII. HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động HĐQT trong năm 2018.

Hội đồng quản trị công ty đã quyết tâm giải quyết những khó khăn về tài chính kéo dài những năm qua chưa tháo gỡ được, bằng cách thu gọn bộ máy quản lý, chuyển đổi hình thức sản xuất, thực hiện phương án cho thuê 2 nhà máy (Biên Hòa và Long An) để cắt lỗ trong năm 2019 và tập trung giải quyết các khoản nợ ngân sách như nợ thuế, nợ BHXH, các khoản nợ vay ngân hàng, nợ nhà cung ứng...

Giám sát Ban Điều hành công ty trong việc triển khai các nghị quyết của HĐQT. Kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp, tạo điều kiện cho Ban Điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ.

Chỉ đạo HĐTV, Ban Điều hành công ty con (An Hòa – BCC) trong việc thực hiện các công việc liên quan đến việc sát nhập về công ty mẹ. Chỉ đạo Ban Điều hành kịp thời giải quyết đầy đủ các chính sách cho người lao động khi chuyển giao.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị giữa 2 kỳ đại hội (2018 – 2019).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bê tông Biên hòa đã họp 5 cuộc họp gồm 03 cuộc họp thường kỳ và 02 cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản, nghị quyết các vấn đề quan trọng về các mặt hoạt động của công ty.

- Họp HĐQT kỳ họp thứ 12/2018-NK4 ngày 02.5.2018.
- Họp HĐQT kỳ họp thứ 13/2018-NK4 ngày 15.6.2018.
- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, lần thứ 8/2018, theo Phiếu lấy ý kiến ngày 01.11.2018.
- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, lần thứ 9/2018, theo Phiếu lấy ý kiến ngày 04.12.2018.
- Họp HĐQT kỳ họp thứ 14/2018-NK4 ngày 20.12.2018.

3. Tham dự họp Hội đồng quản trị.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	5/5	100,0%	
2	Ông Mai Duy Thắng	Ủy viên	2/5	40,0%	Miễn nhiệm từ ngày 15.6.2018
3	Bà Đinh Thị Bích Thủy	Ủy viên	5/5	100,0%	
4	Ông Hồ Đình Cường	Ủy viên	5/5	100,0%	
5	Ông Nguyễn Tiến Khoa	Ủy viên	4/5	80,0%	Miễn nhiệm từ ngày 15.12.2018

4. Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Điều hành.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2018 của Ban Điều hành công ty. Giải quyết kịp thời những kiến nghị và những vướng mắc trong công tác điều hành, nhất là việc khó khăn về nguồn vốn sản xuất và các khoản nợ chính sách, tiền lương người lao động.
- Phê duyệt phương án sắp xếp, điều chuyển, tinh giảm nhân sự tại công ty.

- c) Chỉ đạo công tác tổ chức thực hiện kiểm kê bán niên (0^h ngày 01.7.2018 và cả năm (0^h ngày 01.01.2019) tại công ty mẹ và công ty con; Giám sát Ban Điều hành công ty trong việc triển khai thực hiện công tác xử lý, thanh lý tài sản.
- d) Kiểm soát việc vay vốn ngân hàng, sử dụng nguồn vốn (hợp đồng mua vật tư chính, đầu tư mua sắm tài sản cố định, MMTB).
- e) Phê duyệt phương án nhượng bán, điều chuyển, thanh lý tài sản cố định, cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện nhằm phục vụ yêu cầu tài chính của công ty.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành giữa 2 kỳ đại hội (31.3.2018 – 12.4.2019).

5.1- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Thay đổi
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	
2	Ông Mai Duy Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 15.6.2018.
3	Bà Đinh Thị Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 02.5.2018.
4	Ông Hồ Đình Cường	Ủy viên	
5	Ông Nguyễn Tiến Khoa	Ủy viên	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 15.12.2018.

5.2- Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ hiện tại	Thay đổi
1	Ông Đỗ Hoàng Minh	Trưởng ban	
2	Ông Tạ Quang Thanh	Thành viên	
3	Ông Đào Văn Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm thành viên BKS từ ngày 02.5.2018.

5.3- Thay đổi Ban Điều hành (Ban Giám đốc).

TT	Ban Điều hành	Chức vụ hiện tại	Thay đổi
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 15.6.2018.
2	Bà Đinh Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 02.5.2018.
3	Ông Trần Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 15.6.2018.
4	Ông Trần Hoàng Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 02.5.2018.
5	Ông Mai Duy Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 15.6.2018.

6. Thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018.

– (Không có)

7. Đào tạo quản trị công ty.

- Hội đồng quản trị có 2/ 3 thành viên đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
- Ban Kiểm soát có 2/ 3 thành viên đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.

8. Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách của Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt đến ngày 26.2.2019)

Cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nhà nước	02	1.841.282	40,92
Cổ đông là tổ chức khác	9	6.554	0,15
Cổ đông là cá nhân trong nước	453	2.640.764	58,68
Cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài	03	11.400	0,25
Cộng	467	4.500.000	100,00

Biên hòa, ngày 22 tháng 4 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Sơn





CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán

Số: 110/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa, được lập ngày 25/03/2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.8 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm về khả năng hoạt động liên tục của công ty. Khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 126,63 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 80 tỷ đồng. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 92,92 tỷ đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty. Khả năng hoạt động liên tục của công ty, phụ thuộc vào khả năng sinh lời trong tương lai và sự tiếp tục đầu tư vốn của chủ sở hữu. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 không bao gồm sự điều chỉnh nào liên quan đến tình huống không chắc chắn và khả năng hoạt động liên tục của công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến trái ngược có đoạn nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính này tại ngày 19 tháng 03 năm 2018 như sau:

- Ý kiến kiểm toán trái ngược: Đến ngày 31/12/2017, Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu với tổng số dự phòng ước tính là 51,07 tỷ đồng (trong đó dự phòng phải thu cho Công ty TNHH MTV An Hòa BCC – Công ty con ước tính 48,8 tỷ đồng). Như vậy nếu khoản dự phòng phải thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng 51,07 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm đi 51,07 tỷ đồng. Đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 51,07 tỷ đồng và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 51,07 tỷ đồng.
- Vấn đề cần nhấn mạnh là: Số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 56,59 tỷ đồng, vượt quá vốn điều lệ là 9,97 tỷ đồng, và tại ngày này, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 18,87 tỷ đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
NAM VIỆT

Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2018-152-1

Kiểm toán viên

nhk

Bùi Thị Như Lê

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2855-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.551.461.690	61.285.840.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.853.858.205	317.807.638
1. Tiền	111		1.853.858.205	317.807.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.547.860.475	58.887.686.985
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	53.831.595.956	57.818.711.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	783.135.870	18.055.258.573
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	6.243.721.226	3.491.584.380
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(31.310.592.577)	(20.477.867.367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	28.400.799.289	2.080.345.623
1. Hàng tồn kho	141		29.587.495.453	2.080.345.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.186.696.164)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.748.943.721	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	655.420.945	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.093.522.776	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.966.689.538	9.592.833.687
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
II. Tài sản cố định	220		47.328.186.223	9.592.833.687
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	47.303.908.451	9.592.833.687
- Nguyên giá	222		109.833.862.437	37.248.187.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.529.953.986)	(27.655.353.916)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24.277.772	-
- Nguyên giá	228		38.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.722.228)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		133.486.700	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	133.486.700	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		680.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(680.000.000)	(25.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.505.016.615	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	17.505.016.615	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.518.151.228	70.878.673.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		206.526.750.833	80.846.966.100
I. Nợ ngắn hạn	310		154.471.016.905	80.158.366.100
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	119.055.129.897	48.832.810.521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		374.220.856	1.713.847.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.895.346.818	3.880.047.752
4. Phải trả người lao động	314		3.576.457.777	2.703.718.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.953.021.504	604.184.179
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.461.325.273	2.953.962.896
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	20.154.891.967	19.469.172.248
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		622.813	622.813
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		52.055.733.928	688.600.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	17.148.049.516	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	34.907.684.412	688.600.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

4-C
 Y
 CƯ BA
 VẤN
 KẾ TOÁN
 ET
 O CH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(80.008.599.605)	(9.968.292.167)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	(80.008.599.605)	(9.968.292.167)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.813.015	11.813.015
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(126.630.230.620)	(56.589.923.182)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(113.002.856.613)	(34.108.416.460)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.627.374.007)	(22.481.506.722)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.518.151.228	70.878.673.933

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuyền



Phó Giám đốc

Đinh Thị Bích Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (*)	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	146.156.743.242	65.286.380.439
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	169.150.909
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10	VI.3	146.156.743.242	65.117.229.530
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	141.479.943.005	63.894.770.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		4.676.800.237	1.222.459.443
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.013.132	1.243.539
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	4.253.303.522	2.212.081.231
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.253.303.522	1.649.355.496
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	311.523.159	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	13.440.750.712	18.608.512.915
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.323.764.024)	(19.596.891.164)
11. Thu nhập khác	31	VI.9	613.502.677	264.299.606
12. Chi phí khác	32	VI.10	917.112.660	631.920.224
13. Lợi nhuận khác	40		(303.609.983)	(367.620.618)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.627.374.007)	(19.964.511.782)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	2.516.994.940
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.627.374.007)	(22.481.506.722)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(3.028)	(8.395)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(3.028)	(8.395)

(*) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh năm nay của Công ty CP Bê tông Biên Hòa (Công ty mẹ) và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV An Hòa - BCC (Công ty con) từ ngày 01/01/2018 cho đến thời điểm sát nhập

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuyền



Phó Giám đốc

Đinh Thị Bích Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay (*)	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		(13.627.374.007)	(19.964.511.782)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.125.030.534	1.168.894.822
- Các khoản dự phòng	03	2.974.385.340	10.895.988.498
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(167.315.175)	(95.793.027)
- Chi phí lãi vay	06	4.253.303.522	1.649.355.496
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	(1.441.969.786)	(6.346.065.993)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	49.938.693.032	11.147.964.048
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.163.660.403)	1.641.771.398
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(15.882.189.080)	(5.100.693.523)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	469.567.099	1.251.358.509
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.258.434.967)	(1.534.156.172)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.662.005.895	1.060.178.267
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.032.857.885)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	209.287.273	95.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.013.132	338.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.818.557.480)	95.793.027

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	37.902.047.913	35.763.611.409
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.209.445.762)	(36.980.172.643)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.307.397.849)	(1.216.561.234)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.536.050.566	(60.589.940)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	317.807.638	378.397.578
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.853.858.205	317.807.638

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuyền



Phó Giám đốc

Đinh Thị Bích Thủy



AN TOÀN TRÊN HẾT

AN TOÀN